

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2020
(V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường;
2. Ông Dương Quý Sáng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/ QĐST-HNGĐ giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1989;
Trú tại: T5, MD, TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.
2. Bị đơn: Anh Lại Đức L - sinh năm 1982;
Trú tại: T5, MD, TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Thị T có nội dung như sau:

Chị T và anh Lại Đức L sống chung như vợ chồng từ đầu năm 2008 đến ngày 15 tháng 12 năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị T và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể một lần khi hai vợ chồng cãi nhau chị T có chửi tục dẫn đến anh L đánh chị T; Năm 2017 trường Trung học phổ thông cơ sở mời chị T đi tập huấn tại thành phố Lào Cai khi chị T về nhà anh L đã đánh đập chị T,

chị T xác định không thể sống chung nên đã đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Giang, Hải Phòng ...được một thời gian chị T tiếp tục về chung sống cùng anh L. Từ khi chị T quay về chung sống chị và anh L không thể hàn gắn tình cảm được mà vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L được từ ngày 05 tháng 4 năm 2021 chị T về nhà mẹ đẻ cùng thôn sinh sống, từ đó chị và anh L không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: anh chị có 02 con chung:

1. Cháu Lại Văn Đ - sinh ngày 27 tháng 7 năm 2009;
2. Cháu Lại Kiều T - sinh ngày 25 tháng 11 năm 2012.

Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lại Kiều T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong bản tự khai của anh Lại Đức L có nội dung anh L nhất trí với chị T về thời điểm xác L quan hệ hôn nhân, về con chung, nhưng anh L không nhất trí về nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh L nguyên nhân mâu thuẫn do chị T và anh không hợp tính nhau đồng thời chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhiều lần nhưng anh và chị T chưa đoàn tụ được. Từ tháng 4 năm 2021 anh chị đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh L xác định anh và chị T vẫn có thể tiếp tục chung sống được nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung sau khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 1.000.000 đồng/01 cháu cả 02 cháu là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn anh Lại Đức L, anh L cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 28; 35 và 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị T và anh Lại Đức L đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân TH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. trong quá trình chung sống anh chị không hợp nhau dẫn đến gia đình luôn bất hòa. Việc Mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly thân đồng thời không còn quan tâm đến nhau nữa đều được chị T và anh L xác nhận.

Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị T và anh L không đạt được cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong bản tự khai của cháu Lại Văn Đ có nội dung: Sau khi chị T và anh Đ ly hôn cháu Đ có nguyện vọng được sống cùng anh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh L đã cung cấp được chứng cứ 01 tháng anh có mức thu nhập 10.000.000 đồng; Chị T có mức thu nhập 1.000.000 đồng. Xét điều kiện nuôi con anh L có đủ thu nhập để nuôi 02 con chung. Tuy nhiên anh L làm sửa chữa xe ô tô xe thường xuyên phải đi sửa xe tại các xã trong huyện, do vậy anh L nuôi cả 02 con chung sẽ không đủ thời gian để chăm sóc 02 cháu. Vì vậy cần giao cháu Lại Văn Đ - sinh ngày 27 tháng 7 năm 2009 cho anh Lại Đức L, giao cháu Lại Kiều T sinh ngày 25 tháng 11 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh L. Anh L có thu nhập 10.000.000 đ/01 tháng anh L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Lại Văn Đ nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lại Đức L.

2. Về con chung:

Giao cháu Lại Văn Đ - sinh ngày 27 tháng 7 năm 2009 cho anh Lại Đức L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Lại Kiều T sinh ngày 25 tháng 11 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu Đủ 18 tuổi.

Anh Lại Đức L và chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L và chị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003276 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Đường - Dương Quý Sáng

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện (2);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại

